

Bản án số: 49/2019/DS-ST

Ngày: 17-10-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Trần Đại Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐST - DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị C

Trú tại: ấp P, thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị C: Ông Đoàn Văn Đ (Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2019) (có mặt)

Trú tại: Số 595, đường H, phường L, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Thanh P (có mặt)

2/ Bà Trương Thị T (có mặt)

Cùng trú tại: ấp P, thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2019 và các lời khai của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 30/11/2018 bị đơn có mượn của bà 300.000.000 đồng, bà T có viết biên nhận.

Ngày 25/3/2019 bị đơn có mượn của bà 15.000.000 đồng, ông P có viết biên nhận.

Ngày 09/4/2019 bị đơn có mượn của bà 10.000.000 đồng, bà T có viết biên nhận.

Ngày 26/4/2019 bị đơn có mượn của bà 100.000.000 đồng, bà T có viết biên nhận.

Ngày 25/6/2019 bị đơn có mượn của bà 44.000.000 đồng, bà T có viết biên nhận.

Kể từ ngày vay đến nay bị đơn không trả nợ gốc cũng như không đóng lãi. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc là 469.000.000 đồng, tiền lãi là 42.585.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc là 459.000.000 đồng (trừ 10.000.000 đồng do không cung cấp được biên nhận) và không yêu cầu tính lãi.

Tại các lời khai của bị đơn bà Trương Thị T trình bày: Bà có vay của bà Huỳnh Thị C nhiều lần tiền, lần đầu vay 10.000.000 đồng, không nhớ thời gian cụ thể. Sau đó vay thêm 30.000.000 đồng. Tiền lãi đóng hàng tháng là 3.000.000 đồng/15.000.000 đồng/tháng. Bà T đã đóng lãi nhiều lần, không nhớ chính xác bao nhiêu tiền, nhưng khi đóng lãi thì bà C làm biên nhận lãi nhập vào vốn. Bà thừa nhận có ký vào biên nhận 300.000.000 đồng, biên nhận 44.000.000 đồng, biên nhận 100.000.000 đồng. Nhưng các biên nhận là tính lãi nhập vào vốn. Bà vay tiền để xoay sở trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, bà T đồng ý trả 300.000.000 đồng, tại phiên tòa bà T đồng ý trả 150.000.000 đồng, nhưng xin được trả theo khả năng.

Tại các lời khai của bị đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày: Ông có vay của bà C 15.000.000 đồng, không nhớ cụ thể thời gian. Lãi suất là 1.500.000 đồng/15.000.000 đồng/tháng. Ông đóng lãi được 03 tháng thì ngưng. Ông đồng ý với ý kiến của vợ ông là bà T là trả cho bà C 150.000.000 đồng, nhưng xin được trả dần tùy theo khả năng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và

nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay mượn, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 459.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã cung cấp các giấy nhận nợ của bị đơn với tổng số tiền qua các lần vay là 459.000.000 đồng. Bà T, ông P thừa nhận có ký vào các biên nhận mà bà C đã cung cấp, phía bị đơn cho rằng các biên nhận là do tính lãi nhập vốn, chứ không phải là số tiền gốc đã mượn. Tại phiên tòa bị đơn chỉ đồng ý trả 150.000.000 đồng. Nhưng bị đơn không có chứng cứ chứng minh là các biên nhận mà nguyên đơn đã cung cấp là đã được tính lãi vào vốn gốc. Và cũng không có căn cứ cho rằng chỉ có nợ 150.000.000 đồng. Nên không có cơ sở xem xét ý kiến của bị đơn.

[3] Nguyên đơn khởi kiện đã chứng minh được yêu cầu của mình là có căn cứ hợp pháp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu phần án phí có giá ngạch là 22.360.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị C.

Buộc ông Nguyễn Thanh P và bà Trương Thị T phải trả cho bà Huỳnh Thị C 459.000.000 đồng (*bốn trăm năm mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh P và bà Trương Thị T phải chịu 22.360.000 đồng. Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị C 12.231.000 đồng tiền tạm ứng

án phí đã đóng theo biên lai số 0021571 ngày 26/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Ngô Huỳnh